

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: **38/2019/HS-ST**

Ngày: 28 - 6 - 2019.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B - TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Trường**

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà **Nguyễn Thị Tài**

+ Bà **Phan Thị Hà**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Trương Quang Vũ**- Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông **K' Kràng**- Kiểm sát viên.

Ngày **28** tháng **6** năm **2019** tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số **18/2019/TLST-HS** ngày 11 tháng 4 năm 2019 theo Q định đưa vụ án ra xét xử số **38/2019/QĐXXST-HS** ngày 10 tháng 6 năm 2019 đối với bị cáo:

* Họ và tên: **Đậu Sơn L**; Tên gọi khác: không; Sinh năm: 1988; Nơi sinh: Nghệ An; Nơi ĐKNKTT và nơi ở hiện nay: Thôn 8, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng; Nghề nghiệp: làm vườn; Trình độ văn hóa: 10/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: **Đậu Đức K**, sinh năm: 1948; Con bà: **Lê Thị L**, sinh năm: 1960; Vợ con: chưa có. Tiền sự: không. Tiền án: Ngày 23/7/2015, bị Tòa án nhân dân Thành phố Y, tỉnh Lâm Đồng xử phạt 24 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”, đến ngày 26/11/2016 thì chấp hành án xong. Về nhân thân: Ngày 19/6/2007 bị Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xử phạt 03 năm tù về tội “*Cướp giật tài sản*”. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 16/10/2018 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện B. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

*** Bị hại:**

1. Anh **Lưu Văn H**, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 5, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Vắng mặt.*

2. Anh **Chiềng Siu P**, sinh năm: 1994

Trú tại: Thôn 8, xã X, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

*** Người liên quan:**

Anh **Đỗ Anh Q**, sinh năm: 1983

Trú tại: Thôn 12, xã Z, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. *Có mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào ngày 13/10/2018, **Đậu Sơn L** có gặp anh **Đỗ Anh Q** tại quán cà phê trong xã X, khi gặp nhau **L** hỏi **Q** có mua trái sầu riêng không thì **Q** nói “chỉ mua hàng dạt thôi” (tức là trái sầu

riêng không xuất khẩu được), nghe vậy L nói “khi nào có hàng dạt L sẽ gọi điện” thì Q đồng ý. Đến khoảng 9 giờ ngày 15/10/2018, Đậu Sơn L gọi điện cho Đỗ Anh Q hỏi giá mua trái sầu riêng thì Q nói giá 35.000đ/kg và L đồng ý bán, đồng thời hẹn sẽ bán khoảng hơn 02 tấn trái sầu riêng cho Q. Để có trái sầu riêng bán cho anh Q thì Đậu Sơn L đến các vựa thu mua trái sầu riêng hỏi mua, đến khoảng 11 giờ ngày 15/10/2018 L một mình đi đến vựa thu mua sầu riêng của anh Lưu Văn H tại Thôn 5, xã X, huyện B để gặp anh H hỏi mua trái sầu riêng nhưng không gặp và L gọi điện thoại nhưng anh H không nghe máy. Đến khoảng 20 giờ thấy cuộc gọi của Đậu Sơn L nên anh Lưu Văn H gọi điện thoại lại cho L hỏi thì L nói H bán số trái sầu riêng loại quả nhỏ cho L với giá là 33.000đồng/kg nhưng anh H không đồng ý bán. Sau đó L gọi điện nhờ Nguyễn Phương Đ và Nguyễn Thiên Ph đều trú tại xã Z đến vựa sầu riêng của anh H để nói anh H ra gặp L nhưng anh H không đồng ý. Sợ bị L ép giá nên anh H gọi điện thoại cho Trần Văn S, Nguyễn Văn H và Đậu Thanh T (anh trai L) để nói L đừng mua trái sầu riêng của anh H vì anh H đã ký hợp đồng bán trái sầu riêng cho người khác; anh S và anh H có gọi điện thoại cho L nhưng L không đồng ý nên L chạy về nhà lấy một khẩu súng tự chế rồi đến vựa thu mua của anh H, lấy khẩu súng tự chế ra chia súng vào anh H nói “Có mấy quả sầu riêng hàng dạt mày không để cho tao mà mày nhờ hết người này đến người khác điện thoại, mày thích thì tao nổ cho mày một quả pháo bông”. Lúc này, anh Đậu Thanh T (là anh trai của L) chạy đến can ngăn kéo L ra, sau đó L về nói Đỗ Anh Q đưa xe ô tô tải đến vựa sầu riêng của anh H để cưỡng ép mua trái sầu riêng với giá là 33.000đ/kg, anh Q đã cân của anh H là 463kg và trả tiền là 15.279.000đ. Trên đường về L có gặp Nguyễn Anh H1 và đưa cho H1 khẩu súng tự chế mang về cất giữ. Tiếp đó, L đi đến vựa sầu riêng của anh Chiếng Sùi P tại Thôn 2, xã X, huyện B tiếp tục hỏi mua trái sầu riêng với giá 33.000đ/kg, nhưng anh P không đồng ý bán cho L mà muốn bán cho vựa ở Tây Ninh thì L tiếp tục rút một khẩu súng tự chế khác, tay phải cầm súng chia sát vào lưng của anh P, tay trái nắm cổ áo anh P nói “mày để sầu riêng lại cho anh đi, sao mày loằng ngoằng vậy”, vì sợ L nên P không nói gì và L nói Q vào cân số sầu riêng của P là 1.266kg (trong đó có 34kg là loại sầu riêng giá 5.000đ/kg) và Q trả tiền cho anh P 40.826.000đ.

Quá trình điều tra đã xác định và thu giữ: tổng số kilôgam trái sầu riêng mà Đậu Sơn L ép anh Lưu Văn H và Chiếng Sùi P bán là 1.729kg, L đã chiếm đoạt tiền chênh lệch là 3.458.000đ trong đó của anh H 463kg với số tiền 926.000đ và anh Chiếng Sùi P 1.266kg với số tiền là 2.532.000đ, đồng thời thu giữ: 02 khẩu súng tự chế của L.

Theo kết luận định giá tài sản số 14 ngày 26/02/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B xác định: Đối với sầu riêng da xanh Thái Lan vào ngày 15-16/10/2018 có giá dao động từ 30.000đ/kg đến 50.000đ/kg.

Theo kết luận giám định số 1775/GĐ-PC09 ngày 11/11/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lâm Đồng kết luận: Tang vật kim loại dạng súng gửi giám định không phải là súng quân dụng (là súng tự chế).

Tại bản Cáo trạng số 23/CT-VKSBL ngày 11 tháng 4 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện B truy tố bị cáo Đậu Sơn L về tội “*Cưỡng đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

+ Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Bị cáo đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên Q định truy tố như cáo trạng. Đề nghị: Tuyên bố bị cáo Đậu Sơn L phạm tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”; Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đề nghị xử

phạt bị cáo Đậu Sơn L từ 12 tháng đến 15 tháng tù; Ngoài ra, đại diện Viện kiểm sát còn đề nghị về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng, án phí hình sự và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

+ Bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

+ Bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 22.474.000đ và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

+ Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội là sai. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện B; Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện B; Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Q định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Q định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của bị cáo Đậu Sơn L thể hiện:

Với mục đích chiếm đoạt số tiền chênh lệch giá trái sầu riêng do Đậu Sơn L tự đưa ra nên vào ngày 15/10/2018, Đậu Sơn L đã dùng súng tự chế chĩa vào người anh Lưu Văn H và anh Chiếng Sầu P nhằm đe dọa buộc anh H và anh P phải bán 1.729kg sầu riêng với giá thấp hơn giá của anh H và anh P muốn bán để chiếm đoạt số tiền thực tế 3.458.000đ.

Do đó, hành vi của bị cáo Đậu Sơn L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cưỡng đoạt tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 170 Bộ luật hình sự. Vì vậy, Cáo trạng mà Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội; đã cố ý trực tiếp xâm phạm đến tài sản của người khác, thể hiện sự coi thường pháp luật, xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Bị cáo nhận thức và biết được rằng hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật hình sự nhưng vẫn cố ý phạm tội. Vì vậy, cần thiết phải áp dụng cho bị cáo một mức hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra, đủ để răn đe, cải tạo, giáo dục và phòng ngừa tội phạm chung.

Trong vụ án có Đỗ Anh Q là người đã thỏa thuận giá và trực tiếp đi cân trái sầu riêng của Đậu Sơn L nhưng Q không biết và không tham gia đe dọa để ép anh Lưu Văn H và anh Chiếng Sầu P phải bán trái sầu riêng cho L nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm là phù hợp.

Đối với Nguyễn Phương Đ và Nguyễn Thiên Ph, khi Đậu Sơn L có hành vi đe dọa, dùng vũ lực để ép anh Lưu Văn H bán trái sầu riêng giá thấp thì Đ, Ph chỉ đứng ngoài sân không hô hào, cổ vũ đối với Đậu Sơn L nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xem xét vai trò đồng phạm là phù hợp.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Đậu Sơn L phạm tội khi chưa được xóa án tích nên thuộc trường hợp “*Tái phạm*” theo quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo và gia đình đã bồi thường một phần thiệt hại nên được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; Bị cáo có cha là ông Đậu Đức K được Nhà nước tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng Ba, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[5] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lưu Văn H không yêu cầu bồi thường mà đề nghị xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

Còn anh Chiềng Siu P trình bày giá mua 01kg sầu riêng là 80.000đ/kg nhưng anh P yêu cầu bồi thường theo giá $50.000\text{đ/kg} \times 1.266\text{kg} = 63.300.000\text{đ}$, bị cáo L đã trả 40.826.000đ nên yêu cầu bị cáo phải bồi thường số tiền còn lại là 22.474.000đ. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đồng ý bồi thường tiếp số tiền trên. (Bị cáo đã nộp tiền bồi thường 10.000.000đ vào tài khoản của Chi cục thi hành án dân sự huyện B nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi thường cho bị hại Chiềng Siu P số tiền 12.474.000đ.

[6] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 đồ vật dạng giống súng tự chế có chiều dài 53,7cm, phần tay cầm được làm bằng kim loại màu xám được niêm phong bằng bìa cát tông (trên bìa cát tông có chữ Aquafina và dấu mộc của xã X) và 01 thùng giấy hình hộp chữ nhật có kích thước 23cmx24cmx34cm được niêm phong bằng giấy A4 có chữ ký của “Trần Thị Hiền”, “Đỗ Văn Q” và “Nguyễn Văn Bắc” và dấu mộc của Công an xã Z, bên trong có 01 vật dạng súng tự chế có chiều dài 28cm, tay cầm làm bằng kim loại dài 10,1cm, chiều rộng 04cm. Đây là những vật chứng không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu M-Power màu xanh đen thu giữ của Đậu Sơn L có số Imei 1: 3520180103963111, số Imei 2: 35201801036329 và 01 sim điện thoại số 0976445745. Đây là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến vụ án nên trả lại cho bị cáo là phù hợp, nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu ghi thu giữ của anh Đỗ Anh Q có số Imei 1: 863091034013750, số Imei 2: 863091034013743 cùng 02 sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0975118578 và 0941157367. Đây là tài sản hợp pháp của anh Q không liên quan đến vụ án nên trả lại cho anh Q là phù hợp.

[7] Về án phí: Căn cứ vào Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị Q số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về “Mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án” buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Đậu Sơn L phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 170; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đậu Sơn L **12** (mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 16/10/2018.

2. Về trách nhiệm dân sự:

Buộc bị cáo Đậu Sơn L phải bồi thường cho anh Chiềng Siu P số tiền là 22.474.000đ (được trừ số tiền 10.000.000đ đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi

của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về xử lý vật chứng:

Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 đồ vật dạng giống súng tự chế có chiều dài 53,7cm, phần tay cầm được làm bằng kim loại màu xám được niêm phong bằng bìa cát tông (trên bìa cát tông có chữ Aquafina và dấu mộc của xã X) và 01 thùng giấy hình hộp chữ nhật có kích thước 23cmx24cmx34cm được niêm phong bằng giấy A4 có chữ ký của “Trần Thị Hiền”, “Đỗ Văn Q” và “Nguyễn Văn Bắc” và dấu mộc của Công an xã Z, bên trong có 01 vật dạng súng tự chế có chiều dài 28cm, tay cầm làm bằng kim loại dài 10,1cm, chiều rộng 04cm.

- Trả lại cho bị cáo 01 điện thoại di động nhãn hiệu M-Power màu xanh đen có số Imei 1: 3520180103963111, số Imei 2: 35201801036329 và 01 sim điện thoại số 0976445745 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

- Trả lại cho anh Đỗ Anh Q 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu ghi có số Imei 1: 863091034013750, số Imei 2: 863091034013743 cùng 02 sim điện thoại có số thuê bao lần lượt là 0975118578 và 0941157367.

(Toàn bộ số vật chứng trên hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Lâm Đồng).

4. Về án phí:

Buộc bị cáo Đậu Sơn L phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 1.123.700đ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (28/6/2019) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, Q định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND, CA huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- Bị cáo, những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Nguyễn Đức Trường